TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02-6-2022
V/v Ly hôn giữa chị Trần Thị H
với anh Nguyễn Ngọc K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *vắng mặt.*

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Trần Văn K, Bà Đặng Thị T; địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *là cha, mẹ đẻ của chị H; vắng mặt.*

2. Bà Trần Thị S; địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *là mẹ đẻ của anh K*; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25-02-2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị với anh Nguyễn Ngọc K chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05-11-2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ở nhà cha mẹ đẻ của anh K và đăng ký thường trú tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cả hai vợ chồng đều lao động nông lâm nghiệp.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh do anh K hay uống rượu bia rồi về nhà gây gỗ, xúc phạm, thậm chí bạo lực với chị. Chị đã cố gắng chịu đựng, góp ý với anh K để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh K không khắc phục mà mức độ ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2021, chị phải về ở nhà cha mẹ đẻ. Thời gian kéo dài nhưng anh Khôi không thay đổi, không quan tâm đến vợ con nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12-02-2015. Khi về ở nhà của cha mẹ đẻ, chị đã đưa cháu T theo và chăm sóc đến nay. Chị yêu cầu giao cho chị trực tiếp nuôi cháu T đến khi thành niên do cháu còn nhỏ, đang đi học và có nguyện vọng ở với chị.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc K tại bản tự khai ngày 29-3-2022, quá trình giải quyết vụ án, trình bày:

Việc đăng ký kết hôn, quá trình và điều kiện sinh sống đúng như chị H trình bày. Anh vợ chồng có mâu thuẫn do anh uống rượu bia, nghe lời bạn bè nói khi ăn nhậu rồi về nhà gây gỗ với vợ; việc có bạo lực hay không thì anh không nhớ. Từ đầu năm 2021, chị H về sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ. Anh có đến xin lỗi nhưng chị H không chấp nhận. Anh không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12-02-2015. Hiện tại, cháu T đang ở với chị H và ông bà ngoại; đã đi học lớp 1. Nếu vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không chấp nhận việc chị H yêu cầu được nuôi con.

Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi nguyện vọng của con chưa thành niên ngày 13-4-2022, cháu Nguyễn Ngọc T có nguyện vọng ở với mẹ.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã hai lần tiến hành phiên họp và hòa giải nhưng vợ chồng không thống nhất về hôn nhân và việc nuôi con nếu ly hôn. Ngày 22-4-2022, anh K được tống đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa ngày 20-5-2022 nhưng anh K vắng mặt. Ngày 30-5-2022, anh K được tống đạt trực tiếp quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa ngày 02-6-2022 nhưng anh K tiếp tục vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Ngọc K kết hôn hợp pháp, đã có một con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12-02-2015. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh Khôi; giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi; các vấn đề khác không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc K có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Ngọc K thừa nhận tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05-11-2013. Thời điểm đăng ký, cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H và ý kiến của anh Nguyễn Ngọc K; kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ, chồng, thấy rằng:

Chị H yêu cầu ly hôn do quá trình chung sống anh K thường xuống rượu bia và có lời nói xúc phạm, có hành động bạo lực nên vợ chồng đã không chung sống từ năm 2021. Quá trình tố tụng, anh K thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, đã không còn chung sống. Anh K có nguyện vọng đoàn tụ nhưng từ khi không chung sống đến nay không quan tâm đến nghĩa vụ và trách nhiệm giữa vợ chồng. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Chứng tỏ, anh K tỏ ra bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, vợ chồng đã xảy ra

tình trạng bạo lực, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu cho chị H ly hôn. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Chị Trần Thị H với anh Nguyễn Ngọc K công nhận có một người con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12-02-2015.

Xét yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn, thấy rằng:

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Anh K có yêu cầu được nuôi con nhưng không tham gia tố tụng tại phiên tòa, từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định. Từ khi vợ chồng không chung sống, chị H là người nuôi cháu T và bảo đảm quyền được học tập của cháu T; chị H có sức khỏe để lao động tạo ra thu nhập; cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Như vậy, chị H có đủ điều kiện nuôi con chung sau khi ly hôn.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phổ biến, giải thích nhưng đương sự tự nguyện không yêu cầu nên không xét.

[6] Tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phien tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H với anh Nguyễn Ngọc K; quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12-02-2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0001846 ngày 03-3-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Trường